

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: **61/2020/HS-ST**
Ngày 25 - 11 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

2. Ông Lê Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HS ngày 13/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn C**, sinh năm 1984; sinh và trú tại: Số nhà 23/251 Hải Thượng Ô, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: kinh; Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Thành Đ, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); gia đình có 5 anh, chị em; bị cáo là con thứ 2; chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không

Tiền án: có 01 tiền án:

- Tại bản án số 56/2016/HSST ngày 22/3/2016 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với 18 tháng tù của bản án số 72/2015/HSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm tù. Ngày 19/01/2020 chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân: - Năm 2004 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Do có kháng nghị nên ngày 26/7/2004 Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 14/02/2008 chấp hành xong hình

phạt tù nhưng chưa thi hành phần án phí. Ngày 03/9/2015 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa đình chỉ án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại bản án số 72/2015/HSST ngày 23/12/2015 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/7/2020 đến ngày 04/8/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

+ Người làm chứng:

- Anh Lê Gia P, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Lê B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị T,2 sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Q1, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 26/7/2020 Lê Gia P gọi điện thoại mời Phạm Văn C vào quán nhà P dự lễ khai trương. C đồng ý và bắt xe Bus vào nhưng đi đến xã Y, huyện Q2 thì xuống xe. C đi bộ vào cửa hàng nơi chị Lê Thị T2 (cháu họ của C) đang làm việc hỏi mượn xe. Chị T2 đồng ý cho C mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, BKS 36B6-768.19 của chị. C điều khiển xe của chị T2 đi vào quán của P ở thôn 2, xã T2, huyện N lúc khoảng 16 giờ 30 phút. C đang đứng nói chuyện với P thì bị tổ tuần tra Công an huyện Nông Cống phát hiện có dấu hiệu nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra hành chính. C hoảng sợ chạy vào nhà bếp phía sau quán của P ném 02 gói ma túy đang cất giấu trong người xuống nền đất gần nơi C đứng. Tổ công tác đã tiến hành bắt giữ người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng gồm:

- 01 túi nilon có kích thước 7,5x4cm có mép gấp khớp dùng để đóng mở túi, bên trong có 04 viên nén hình chữ nhật màu hồng nhạt, bên ngoài in nổi chữ “R”; 02 viên nén hình chữ nhật màu hồng nhạt; 02 viên nén hình tròn màu đỏ nghi là ma túy. Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong bì viền xanh - đỏ có các chữ ký ghi rõ họ tên: Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Đức Tùng, Lê Bắc, Phạm Văn Chiến, Trần Văn Hùng, Lê Đình Tú, điểm chỉ ngón trỏ phải của Lê Gia P cùng 03 hình dấu của Công an xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (phong bì ký hiệu M1)

- 01 túi nilon có kích thước 2,7 x 3cm có mép gấp khớp dùng để đóng mở túi, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng nghi là ma túy đá. Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong phong bì viền xanh - đỏ có các chữ ký ghi rõ

họ tên: Nguyễn Hữu Trung, Nguyễn Đức Tùng, Lê Bắc, Phạm Văn Chiến, Trần Văn Hùng, Lê Đình Tú, điểm chỉ ngón trỏ phải của Lê Gia P cùng 03 hình dấu của Công an xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (phong bì ký hiệu M2).

- 01 khăn giấy nilon được dùng để bọc 02 gói mẫu vật.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn C tại số 23/251 Hải Thượng Lãn Ông, phường Q, thành phố T nhưng không thu giữ được gì thêm.

Ngày 27/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 102/CSĐT.

Tại bản kết luận giám định số 2044/PC09 ngày 31/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 04 viên nén hình chữ nhật màu hồng nhạt, bên ngoài in nổi chữ “R” của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 2,037g (hai phẩy không ba bảy gam), loại: MDMA;

- 02 nửa viên nén hình chữ nhật màu hồng nhạt của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,469g (không phẩy bốn sáu chín gam), loại MDMA;

- 02 viên nén hình tròn màu đỏ của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,201g (không phẩy hai không một gam) loại: Methamphetamin;

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,746g (không phẩy bảy bốn sáu gam), loại: Methamphetamin.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai nhận về nguồn gốc ma túy: Sáng ngày 26/7/2020 do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo đã đi nhờ xe từ nhà đến bến xe phía Bắc, thành phố Thanh Hóa để mua 02 gói ma túy với giá 1.000.000đồng (trong đó: có 01 gói chứa 06 viên ma túy tổng hợp MDMA, 02 viên hồng phiên là ma túy dạng Methamphetamin và 01 túi chứa ma túy đá dạng Methamphetamin) của một người đàn ông không quen biết.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo tại bến xe phía Bắc, thành phố T; do Phạm Văn C không biết tên tuổi, địa chỉ của người này nên không có căn cứ để điều tra theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus màu đỏ, BKS 36B6-768.19 thuộc quyền sở hữu của chị Lê Thị T2 là cháu họ của bị cáo. Khi chị T2 cho C mượn xe, chị không biết C đang cất giấu ma túy trong người nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống không có căn cứ xử lý đối với Lê Thị T2.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Glaxy A20, màu xanh-đen, bên ngoài là ốp bọc điện thoại màu đen có số sim 0969.676.731 và

chiếc điện thoại di động Nokia N128, màu xanh, viền đen (đã qua sử dụng) đều thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống đã trả lại cho bị cáo.

Vật chứng trong vụ án: Toàn bộ bao gói niêm phong của phong bì ký hiệu M1, M2 và 01 viên nén hình tròn màu đỏ có tổng khối lượng 0,102 (không phẩy một không hai gam) của phong bì ký hiệu M1; 0,703g (không phẩy bảy không ba gam) chất rắn, dạng tinh thể màu trắng của phong bì ký hiệu M2 là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ký hiệu T1, T2 được dán kín, niêm phong có các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Trần Đăng, Trần Thị Thúy Hằng, Lê Minh Tiến, Lê Công Anh và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống ngày 03/11/2020.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSNC ngày 02/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS: đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 36 đến 39 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; bị cáo phải chịu án phí HSST.

- Bị cáo nhận tội. Lời nói sau cùng của bị cáo nhận thấy sai, hứa sửa chữa và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định của CQĐT Công an huyện Nông Cống và Điều tra viên; của VKSND huyện Nông Cống và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai bị cáo quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai hai người làm chứng. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/7/2020 tại khu vực bếp ăn của quán nhà anh Lê Gia P ở thôn 2, xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa bị cáo Phạm Văn C đã có hành vi tàng trữ 2,506 gam ma túy loại MDMA và 0,947 gam ma túy loại Methamphetamin; tổng 3,453 gam ma túy. Hành vi nêu trên của bị cáo

đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Như vậy, cáo trạng VKSND huyện Nông Công truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như sau: Ma túy có đặc tính gây nghiện, con người khi mắc nghiện sẽ lệ thuộc vào ma túy. Việc sử dụng ma túy tùy tiện sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người. Vì vậy, Nhà nước quản lý ma túy nghiêm ngặt, chủ yếu sử dụng vào lĩnh vực y tế, không cho phép lưu thông tự do. Bị cáo có đủ nhận thức được tác hại của ma túy và việc mua ma túy bán lại cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn liều lĩnh thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự xã hội. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm loại tội phạm này nhằm ổn định địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân: Bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Về nhân thân: Bị cáo là người nghiện ma túy nên là người có nhân thân xấu.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, với môi trường giáo dục, cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tàng trữ ma túy có mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS phạt bổ sung bị cáo 1 khoản tiền nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[6] Về vật chứng vụ án: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định.

[7] Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS:

Xử phạt Phạm Văn C 38 (Ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/7/2020.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói niêm phong (chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2020 giữa Công an huyện Nông Cống và chi cục THADS huyện Nông Cống).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

Án xử công khai có mặt bị cáo. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tình